

Số: 4831/TTr-UBND

Điện Biên, ngày 25 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định
về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị
định số 59/2024/NĐCP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016
của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo
Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông.

UBND tỉnh trình kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ
2021-2026 Nghị quyết quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối
với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thay thế Nghị quyết số
217/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định số lượng, chính sách hỗ trợ đối với khuyến nông viên cấp xã và cộng

tác viên khuyến nông thôn, bản trên địa bàn tỉnh Điện Biên), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện Nghị quyết số 217/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chính sách hỗ trợ đối với khuyến nông viên cấp xã và cộng tác viên khuyến nông thôn bản trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trên địa bàn 05 huyện 30a¹, mỗi xã được bố trí 02 khuyến nông viên, mỗi thôn, bản có 01 cộng tác viên khuyến nông; 05 huyện, thị xã, thành phố còn lại mỗi xã được bố trí 01 khuyến nông viên. Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có hơn 200 khuyến nông viên cấp xã và hơn 400 cộng tác viên khuyến nông thôn bản² được lựa chọn từ những người có trình độ và sinh sống tại các thôn, bản; một số cộng tác viên khuyến nông do người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm hoặc do Trưởng thôn, bản kiêm nhiệm.

Sau hơn 10 năm thực hiện chính sách, lực lượng khuyến nông cơ sở đã và đang khẳng định được vai trò, đóng góp tích cực, sát cánh cùng với khuyến nông tỉnh, huyện trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, trực tiếp hoặc phối hợp thực hiện các mô hình³ thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp giúp nông dân tiếp cận được với công nghệ mới, ngày càng thích ứng với nền sản xuất hàng hóa. Làm tốt nhiệm vụ nắm bắt tình hình, diễn biến, tiến độ sản xuất, nhu cầu nguyện vọng của nông dân tại cơ sở; đề xuất được nhiều chương trình, nội dung khuyến nông phù hợp với thực tiễn sản xuất, nhu cầu của nông dân tại địa phương⁴; phát huy vai trò trong phối hợp tuyển sinh, đánh giá nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn⁵. Khuyến nông viên cấp xã cũng là lực lượng nòng cốt phát hiện, tham mưu, hướng dẫn nông dân chủ động phòng tránh thiên tai và dập dịch trên cây trồng, vật nuôi có hiệu quả. Cũng thông qua lực lượng này, công tác vận động, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đến người dân nhanh và mang lại kết quả cao.

Tuy nhiên, hiện nay một số nội dung của chính sách cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể:

(1) Một số căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 217/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên đã hết hiệu lực và bị thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới⁶; Nghị quyết số

¹ Gồm: Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Mường Ảng, Nậm Pồ và Mường Nhé

² Tính đến thời điểm ngày 31/5/2024, trên địa bàn toàn tỉnh có 206 khuyến nông viên (Đại học 106 người; Cao đẳng 10 người; trung cấp 88 người; sơ cấp: 01 người; Chưa qua đào tạo: 01 người), Cộng tác viên khuyến nông 438 người đa số có trình độ giáo dục phổ thông từ Trung học cơ sở trở lên.

³ Tập huấn 400 lớp với hơn 16.000 lượt người tham gia; 113 điểm mô hình các loại.

⁴ Phối hợp tổ chức trên 250 cuộc tham quan, hội thảo với 10.426 lượt người tham gia.

⁵ Phối hợp tổ chức 03 lớp dạy nghề cho 90 học viên.

⁶ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông (Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2018) và thay thế Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông; Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 thay thế Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 thay thế Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004.

30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo đã hết hiệu lực.

(2) Năng lực của đội ngũ khuyến nông viên cấp xã từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ khuyến nông viên cấp xã có trình độ chuyên môn ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khá cao (194 người; chiếm 94,1%), tuy nhiên còn có Khuyến nông viên trình độ sơ cấp, chưa qua đào tạo và thiếu kiến thức chuyên ngành, kinh nghiệm thực tiễn⁷.

(3) Đội ngũ cộng tác viên khuyến nông thôn, bản có nhiệm vụ phối hợp cùng khuyến nông viên xã thực hiện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân, bám sát địa bàn, phản ứng nhanh với những diễn biến có ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, vì vậy đòi hỏi cộng tác viên khuyến nông phải có trình độ chuyên môn chuyên ngành, tận tâm, nhiệt tình và chủ động trong công việc. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, cộng tác viên khuyến nông là những người sinh sống tại địa phương, do cộng đồng dân cư thôn, bản đề xuất, hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,4 lần mức lương cơ sở. Trong những năm qua, hoạt động của cộng tác viên khuyến nông không hiệu quả do phụ cấp thấp, trách nhiệm, năng lực chuyên môn còn rất hạn chế (chủ yếu có trình độ giáo dục phổ thông từ Trung học cơ sở trở lên (315/438 người chiếm 71,92%)), không còn tâm huyết làm nông nghiệp tại địa phương.

Bên cạnh đó, thực hiện tiêu chí 13.5 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại các xã trên địa bàn 10 huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức xây dựng tổ khuyến nông cộng đồng với 103 tổ trên 720 thành viên là đại diện các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế tại địa phương tham gia; tổ khuyến nông cộng đồng có nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn cho nông dân, hợp tác xã về khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển thị trường, liên kết sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra khi không bố trí đội ngũ cộng tác viên khuyến nông, công tác triển khai các hoạt động khuyến nông tại địa phương sẽ dựa vào lực lượng trưởng thôn, bản, thành viên các tổ chức Hội, đoàn thể là những người đang được hưởng phụ cấp và nông dân nòng cốt. Theo ý kiến đánh giá của các địa phương, công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và triển khai các chương trình, dự án thì lực lượng tham gia tích cực và hiệu quả rõ nhất là những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản (gồm: Trưởng thôn, Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận, Bí thư đoàn), đây là những người đang được hưởng phụ cấp và những người có năng lực, uy tín, kinh nghiệm trong sản xuất được cộng đồng dân cư thôn, bản bầu và tín nhiệm.

Từ những lý do như trên, việc duy trì cộng tác viên khuyến nông như hiện nay là không cần thiết.

⁷ Đại học 106 người (51,5%); cao đẳng 10 người (4,9%); trung cấp 88 người (42,7%); sơ cấp: 01 người (0,5%); chưa qua đào tạo: 01 người (0,5%), Khuyến nông viên có trình độ chuyên môn không thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 12 người chiếm 5,9% – Số liệu tính tại thời điểm 31/5/2024.

(4) Thời gian ký kết hợp đồng với khuyến nông viên xã ngắn từ 06 tháng đến 12 tháng, gây khó khăn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và việc ký kết hợp đồng xác định thời hạn nhiều lần vượt quá 02 lần là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật về Hợp đồng lao động⁸.

(5) Việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm và việc làm⁹, tuy nhiên khuyến nông viên cấp xã, cộng tác viên khuyến nông hiện nay chưa được thực hiện theo quy định này.

(6) Hiện nay trên địa bàn các xã, thị trấn có diện tích trồng trọt và chăn nuôi tương đối lớn, năng suất sản lượng cao. Trong khi điều kiện hiện nay tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xuất hiện nhiều bệnh nguy hiểm, lây lan nhanh làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm, sức khỏe con người. Khuyến nông viên cấp xã còn là người giúp việc cho xã triển khai hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, các Chương trình mục tiêu quốc gia... là mạng lưới nắm bắt, cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn một cách cụ thể, chính xác; phối hợp công tác tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiệu quả. Vì vậy, việc tiếp duy trì, bố trí hệ thống khuyến nông viên cấp xã là rất cần thiết.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong hoạt động cũng như chế độ, chính sách đối với đội ngũ khuyến nông viên trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu thực tiễn hiện nay của địa phương, thì việc ban hành Nghị quyết quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thay thế Nghị quyết số 217/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chính sách hỗ trợ đối với khuyến nông viên cấp xã và cộng tác viên khuyến nông thôn bản trên địa bàn tỉnh Điện Biên) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng văn bản

⁸ Điểm c, khoản 2, Điều 20 Bộ Luật lao động năm 2019 "Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng lao động xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm 01 lần, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn".

⁹ Điểm a, khoản 1, Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc "Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn..."; Điểm b, khoản 1, Điều 43 Luật việc làm năm 2013 quy định đối tượng bắt buộc tham gia Bảo hiểm thất nghiệp "Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn"; điểm a, khoản 1, Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm y tế "Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên..."

Đảm bảo theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; phát huy hiệu quả, phù hợp với các quy định của Trung ương, tình hình thực tế và mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với khuyến nông viên cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sau khi Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Liên đoàn lao động tỉnh chủ trì phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân theo quy định và được Sở Tư pháp thẩm định trước khi được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2024.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện dự thảo để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên thay thế Nghị quyết số 217/2011/NQ-HĐND ngày 20/4/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chính sách hỗ trợ đối với khuyến nông viên cấp xã và cộng tác viên khuyến nông thôn, bản trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

- **Về số lượng:** Mỗi xã, phường, thị trấn (đối với phường, thị trấn có hoạt động sản xuất nông nghiệp) được bố trí 01 khuyến nông viên.

- **Về tiêu chuẩn:** Khuyến nông viên cấp xã phải có trình độ trung cấp trở lên một trong các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- **Về chế độ, chính sách:**

+ Khuyến nông viên cấp xã được ký kết hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019.

+ Mức phụ cấp: Khuyến nông viên cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng tương ứng với trình độ đào tạo như sau:

Tốt nghiệp Đại học trở lên hưởng hệ số 2,34 so với mức lương cơ sở.

Tốt nghiệp Cao đẳng hưởng hệ số 2,10 so với mức lương cơ sở.

Tốt nghiệp Trung cấp hưởng hệ số 1,86 so với mức lương cơ sở.

+ Khuyến nông viên cấp xã thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các chế độ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

+ Khuyến nông viên cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN

1. Dự kiến nguồn lực

- Nguồn nhân lực: UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện bố trí khuyến nông viên xã đúng quy định.

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; nguồn thu của các cơ quan, đơn vị; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành văn bản chỉ đạo, giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan và bảo đảm các điều kiện khác nhằm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT, TH, BTCD_(TVH) ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô